

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2026/HC-PT

Ngày: 20/3/2026.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực thu hồi, bồi thường khi Nhà
nước thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 224/TLPT-HC ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2025/HC-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 511A/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: vợ chồng ông Lê Văn C - sinh năm 1960, bà Lê Thị S - sinh năm 1961.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Ông C vắng mặt, bà S có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C: ông Lê Huy C1 - sinh năm 1985 (văn bản ủy quyền ngày 06/3/2026); địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Ông C1 có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên).

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện:* ông Nguyễn Quốc K; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 04/8/2025). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.2. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực T (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.3. Phòng Kinh tế xã T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.4. Hợp tác xã N2.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.5. Công ty TNHH S1; địa chỉ: khu phố N, phường B, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.6. Ông Lê Huy C1 - sinh năm 1985; địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Có mặt.

3.7. Ông Lê Minh C2 - sinh năm 1990; địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.8. Bà Lê Thị H - sinh năm 1993; địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Huy C1, ông Lê Minh C2 và bà Lê Thị H:* ông Lê Văn C - sinh năm 1960; địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Ông C vắng mặt.

3.9. Vợ chồng ông Phan Tấn H1 - sinh năm 1968 và bà Võ Thị T - sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Vắng mặt.

3.10. Bà Nguyễn Thị T1 - sinh năm 1966; địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Đắk Lắk (địa chỉ cũ: M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên). Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Lê Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người khởi kiện ông Lê Văn C và bà Lê Thị S trình bày: nguyên diện tích 550m² đất, loại đất màu, thửa đất số 430, thuộc xứ đồng dòng Ông C3 có nguồn gốc Nhà nước cân đối giao đất theo Nghị định 64-CP cho hộ gia đình ông Lê Văn C, bà Lê Thị S theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 419146 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/10/1997. Diện tích đất có giới cận: phía Bắc giáp đất bà Lê Thị M, phía Tây giáp đất ông Phan C4, phía Đông giáp đất bà Trần Thị B, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Trở .*

Thực hiện dự án đường C - Nam đoạn C - V, gia đình ông C, bà S bị ảnh hưởng giải tỏa toàn bộ diện tích 550m² nêu trên, nhưng Ủy ban nhân dân huyện T không lập phương án bồi thường về đất. Hiện trạng diện tích đất bị thu hồi đã bị chính quyền san ủi mặt bằng nên không còn hiện trạng như cũ. Hiện trạng đất thực tế trống cỏ, ông C và bà S thống nhất theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập ngày 23/4/2023. Hộ ông C đã nhận số tiền 11.661.000đồng bồi thường cỏ sữa trên diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc - N.

Nay ông Lê Văn C và bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 312/UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã A về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Lê Văn C;

- Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C, địa chỉ cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú yên (lần đầu);

- Hủy văn bản số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 V/v đính chính sai sót tại Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T (nay là Ủy ban nhân dân xã T) lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất 550m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bị ảnh hưởng thu hồi dự án cao tốc Bắc - N đoạn C - V cho gia đình ông Lê Văn C, bà Lê Thị S theo đúng quy định của pháp luật.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên) trình bày:*

Thửa đất số 430, bản đồ đo đạc năm 1993, diện tích 550m² được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 419146 ngày 31/10/1997 cho hộ ông Lê Văn C không trùng diện tích đất ông C chỉ dẫn đề yêu cầu bồi thường khi thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc - N. Thửa đất số 430 hiện ông C khởi kiện ở một vị trí khác, do hộ ông Phan Tấn P đang canh tác.

Thửa đất ông Lê Văn C, bà Lê Thị S chỉ dẫn và đang khởi kiện yêu cầu được bồi thường về đất thuộc một phần thửa đất số 56 và thửa đất số 57 (bản đồ đo đạc dự án đường bộ cao tốc Bắc - N).

Theo kết quả quy chủ của Ủy ban nhân dân xã A thì thửa đất số 55 và thửa đất số 56 thuộc đất Nhà nước do Ủy ban nhân dân xã A quản lý, đã có Thông báo thu hồi đất số 1450/TB-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 (theo Phương án số 45/PA-TTPTQĐ ngày 08/8/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T). Theo Quyết định phê duyệt số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 thì hộ ông Lê Văn C chỉ được bồi thường cây cối, hoa màu với số tiền 11.661.000đồng, không được bồi thường về đất.

Theo Bản đồ 299/TTg, đo đạc năm 1993 thuộc thửa đất số 434, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.480m², loại đất màu, sổ Mục kê thể hiện chủ sử dụng đất là Hợp tác xã N2.

Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 09, diện tích 600m², loại đất lúa, sổ Mục kê thể hiện chủ sử dụng là ông Lê Văn C.

Theo Bản đồ đo đạc năm 2009 (bản đồ đo đạc cập nhật chỉnh lý biến động) thì thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 09, diện tích 15.856m², loại đất SKS, sổ Mục kê thể hiện chủ sử dụng là Công ty R, việc ghi Công ty R là không đúng.

Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 thì thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 09, diện tích 71.715,8m², loại đất cơ sở S2 (SKC), chủ sử dụng đất Công ty cổ phần S1.

Vị trí đất ông Lê Văn C chỉ dẫn và yêu cầu bồi thường đất thì ông C không sản xuất, không sử dụng, không còn hiện trạng hình thể thửa đất, không đóng thuế dịch vụ tại Hợp tác xã nông nghiệp xã N2 từ năm 2001 đến khi ông Lê Văn C có đơn khiếu nại nên không có cơ sở để quy chủ bồi thường đất. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực T (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T) trình bày: hiện tại diện tích đất ông C, bà S đang khiếu kiện yêu cầu bồi thường về đất thuộc một phần thửa đất số 55 và thửa đất số 56 (bản đồ đo đạc dự án đường bộ cao tốc Bắc - N). Theo kết quả quy chủ của Ủy ban nhân dân xã A thì các thửa đất số 55 và 56 nêu trên thuộc đất Nhà nước do Ủy ban nhân dân xã A quản lý. Đến thời điểm hiện tại thì cơ quan có thẩm quyền đã có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình: dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn huyện T, địa điểm: xã A, huyện T” (theo Phương án số 45/PA-TTPTQĐ ngày 08/8/2023 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T). Theo Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 thì hộ ông Lê Văn C chỉ được bồi thường cây cối hoa màu với số tiền 11.661.000đồng, không được bồi thường về đất.

- Hợp tác xã N2 *trình bày*: trước năm 2000, hộ ông Lê Văn C đóng dịch vụ HTX N2 với diện tích 2.150m². Từ năm 2001-2008 thể hiện tại Bộ T2 đối với hộ ông Lê Văn C là 1.600m². Năm 2008, ông Lê Văn C có đến HTX khai báo và đề nghị trừ diện tích 550m² tại xứ đồng Dồng Ông C3 do đã chuyển nhượng cho Công ty nên HTX không thu dịch vụ diện tích đất 550m².

- Ông Lê Huy C1, ông Lê Minh C2, bà Lê Thị H do ông Lê Văn C *đại diện theo ủy quyền trình bày*: thống nhất nội dung trình bày của người khởi kiện ông Lê Văn C, bà Lê Thị S.

- Bà Nguyễn Thị T1 *trình bày*: đất ông C, bà S đang khởi kiện không liên quan đến đất của bà. Tháng 3 năm ngoái ông N1 - công chức địa chính của Ủy ban nhân dân xã A có đến nhà bà hỏi đất của bà S kiện tụng. Bà nói đất bà và đất bà S cách xa nhau mà kiện tụng gì. Đất bà đang sử dụng và đất ông C, bà S bị giải phóng mặt bằng dự án cao tốc không liên quan gì cả.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2025/HC-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 17 của Luật Khiếu nại; Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Lê Thị S, về các yêu cầu:

- Hủy Công văn số 312/UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã A về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Lê Văn C;

- Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C, địa chỉ cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (lần đầu);

- Hủy văn bản số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 v/v đính chính sai sót tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T (trước đây là Ủy ban nhân dân huyện T) lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất 550m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn C) bị ảnh hưởng thu hồi dự án cao tốc Bắc - N đoạn C - V cho gia đình ông Lê Văn C, bà Lê Thị S.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2025, người khởi kiện ông Lê Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 25/8/2025, người khởi kiện ông Lê Văn C có đơn kháng cáo bổ sung đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Huy C1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn C, bà Lê Thị S là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Lê Văn C và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2025/HC-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn C, Hội đồng xét xử thấy:

[1.1] Về nguồn gốc đất: theo Bản đồ 299/TTg đo đạc năm 1993 thuộc thửa đất số 434, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.480m², loại đất màu, sổ Mục kê thể hiện chủ sử dụng đất là Hợp tác xã N2; theo Bản đồ đo đạc năm 2009 (bản đồ đo đạc cập nhật chỉnh lý biến động) thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ số 09, diện tích 15.856m², loại đất SKS, sổ Mục kê thể hiện chủ sử dụng là Công ty R; theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 thuộc thửa đất số 244, tờ bản đồ số 09, diện tích 71.715,8m², loại đất cơ sở S2 (SKC), chủ sử dụng đất Công ty cổ phần S1.

Biên bản xác minh thực địa ngày 25/4/2023 thể hiện: “Tại thực địa ông Lê Văn C dẫn chỉ đo đạc, khu đất có vị trí tiếp giáp: Đông giáp đất trống chưa sử dụng (đã san lấp mặt bằng); Tây giáp đất trống chưa sử dụng Công ty đã san lấp mặt bằng; Nam giáp đất trống chưa sử dụng Công ty đã san lấp mặt bằng. Hiện trạng trên đất ông Lê Văn C chỉ dẫn, đo đạc thực tế có nhà bảo vệ và tường rào do Công ty TNHH S1 xây dựng...”. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn C xác định ông ký và ghi họ tên tại Mục người sử dụng đất trong Biên bản nêu trên.

Theo Đơn trình bày về quyền sở hữu tài sản số 27/CV-DM ngày 11/9/2023 của Công ty TNHH S1 và Biên bản làm việc ngày 24/10/2023 đều thể hiện: quá trình hoạt động, Công ty đã xây dựng tường rào, nhà bảo vệ trên diện tích đất không người sử dụng (đất hoang, khu vực rừng núi); từ khi Công ty tiếp nhận tạm giao đất ngày 09/6/2009 đến trước khi thực hiện thu hồi đất dự án cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa phận xã A thì không có hộ gia đình nào đến cản trở và đòi lại đất, kể cả hộ ông Lê Văn C.

Theo Biên bản làm việc về xác minh nội dung khiếu nại ngày 26/4/2024, Hợp tác xã N2 trình bày: "... Từ năm 2000 trở về trước hộ ông Lê Văn C có đóng dịch vụ Hợp tác xã N2 với diện tích đất rẫy là 2.150m². Từ năm 2001 đến năm 2008 thể hiện tại Bộ T2 dịch vụ Hợp tác xã đối với hộ ông Lê Văn C là 1.600m²... Lý do từ năm 2000 trở về trước diện tích rẫy 2.150m², từ năm 2001 đến năm 2008 thu dịch vụ với diện tích rẫy 1.600m², giảm 550m² không thu dịch vụ là do diện tích rẫy xứ đồng Ông C3 đã chuyển nhượng cho Công ty. Nên ông Lê Văn C có xuống Hợp tác xã khai báo và đề nghị trừ diện tích trên là 550m² không sản xuất nữa nên không thu dịch vụ..."

Theo kết quả chồng xếp áp ranh bản đồ (năm 1992, năm 1997 và năm 2012) thì thửa đất số 430, tờ bản đồ (bỏ trống không ghi), đo đạc năm 1993, diện tích 550m², loại đất màu, địa chỉ thửa đất tại xứ đồng dòng Ông C3, thôn P, xã A đã được giao cho hộ ông Lê Văn C theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 419146 ngày 31/10/1997 cho ông Lê Văn C. So với vị trí đất ông Lê Văn C dẫn đạt theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất năm 2023 đính kèm Biên bản xác minh thực địa ngày 25/4/2023 do Ủy ban nhân dân xã A lập, Mảnh trích đo địa chính dự án cao tốc là không trùng nhau.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/10/2024 thể hiện: gia đình ông Lê Văn C không sử dụng thửa đất số 430, bản đồ đo đạc năm 1993 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 419146 ngày 31/10/1997 cho ông Lê Văn C. Thửa đất này hiện nay do gia đình ông Phan Tấn H1 sử dụng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: vị trí thửa đất ông Lê Văn C dẫn đạt theo Biên bản xác minh thực địa ngày 25/4/2023 không trùng với thửa đất số 430 mà Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C và thửa đất số 430 không bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng bởi dự án tuyến đường C - N.

[1.2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy Công văn số 312/UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã A về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Lê Văn C; hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Văn C và hủy văn bản số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 về việc đính chính sai sót tại Quyết định 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, Hội đồng xét xử thấy: theo quy định tại Điều 18 của Luật Giải quyết khiếu nại năm 2011 quy định: "Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1. Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình". Do đó, Ủy ban nhân dân xã A ban hành Công văn số 312 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 (lần đầu) là có sai sót về thẩm quyền. Tuy nhiên, sai sót nêu trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Lê Văn C, bà Lê Thị S nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải hủy các văn bản, quyết định này.

[1.3] Xét thấy: ông Lê Văn C và bà Lê Thị S không phải là người quản lý, sử dụng hợp pháp đối với thửa đất bị thu hồi nên không được bồi thường về đất. Vì vậy, ông Lê Văn C và bà Lê Thị S kháng cáo yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk phải lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích 550m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 419146) bị ảnh hưởng thu hồi dự án cao tốc Bắc - N đoạn C - V cho gia đình ông, bà theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công trình: dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn huyện T, địa điểm: xã A, huyện T (đợt 3): mặc dù ông Lê Văn C và bà Lê Thị S không khởi kiện Quyết định số 2925 nhưng quyết định này có liên quan đến các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong cùng vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Tố tụng Hành chính. Xét thấy, như đã phân tích tại mục [1] thì việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 18/8/2023, trong đó: không bồi thường về đất mà chỉ bồi thường giá trị cỏ sữa cho hộ ông Lê Văn C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C, bà Lê Thị S là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn C như đề nghị của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông Lê Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Nhưng xét, ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2025/HC-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 17 của Luật Khiếu nại; Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Lê Thị S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 312/UBND ngày 30/10/2023 của Ủy ban nhân dân xã A về việc trả lời nội dung kiến nghị của ông Lê Văn C;

- Hủy Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn C, địa chỉ cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (lần đầu);

- Hủy văn bản số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 v/v đính chính sai sót tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A;

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đắk Lắk (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên) phải lập phương án thu hồi, bồi thường về đất đối với diện tích đất 550m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn C) bị ảnh hưởng thu hồi dự án cao tốc Bắc - N đoạn C - V cho gia đình ông Lê Văn C, bà Lê Thị S.

2. Về án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Văn C.

3. Các Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

